TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 20- 3- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Lương Kiều Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 9 năm 1990 tại ML, HN; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); Chồng: Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1984 và 02 con (Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án: Không, tiền sự: Không. Hiện đang tại ngoại tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Bị hại*:

1. Anh Nguyễn Đăng K– sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Chị Phạm Thị T – Sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 24/10/2017, nhân viên của Công ty Viễn thông Yên Bái đến nhà anh Nguyễn Đăng K và chị Phạm Thị T tại thôn, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái để lắp mạng. Do vợ chồng anh K, chị T đi vắng nên chị Phạm Thị T có gọi điện cho Nguyễn Thị T (là em dâu) nhờ sang nhà lấy chìa khóa (cất trong túi áo khoác treo ở ngoài hiên trước cửa nhà) để mở cửa cho nhân viên viễn thông vào lắp đặt. Sau khi mở cửa, Nguyễn Thị T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình anh K, chị T nên đã đi đến chiếc kệ để ti vi, mở ngăn dưới lấy 01 sợi dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng trơn và tiếp tục tìm dưới đệm của giường ngủ lấy được số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, T mang số tài sản trên về nhà mình cất giấu.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái kết luận:

- Số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) gửi đi giám định là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 chiếc nhẫn màu vàng, loại vàng 9999, có khối lượng là 3,75 gam, tương đương bằng 01 chỉ, có trị giá là 3.688.000đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- 01 sợi dây chuyền màu vàng, loại vàng 9999, có khối lượng 18,75 gam tương đương bằng 5 chỉ, có trị giá là 18.440.000 đ (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả lại toàn bộ số tài sản trên cho anh Nguyễn Đăng K và chị Phạm Thị T là chủ sở hữu hợp pháp (BL101).

Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình đã truy tố Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như đã nêu trên.

Người bị hại là anh Nguyễn Đăng K và chị Phạm Thị T xác nhận vào ngày 24/10/2017 vợ chồng anh chị bị mất các tài sản như đã nêu trên, tổng trị giá tài sản là: 24.128.000 đồng. Tại phiên tòa anh K xác nhận vợ chồng anh đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác và đề nghị Hội đồng xét xử

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Về án phí tuyên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc thu thập các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã đầy đủ, khách quan, hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và định giá tài sản, lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng đã thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/10/2017 tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái, bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 dây chuyền màu vàng, loại vàng 9999 có khối lượng 18,75 gam tương đương bằng 5 chỉ có trị giá 18.440.000đồng; 01 chiếc nhẫn màu vàng trơn, loại vàng 9999 có khối lượng là 3,75 gam tương đương bằng 01 chỉ, có trị giá 3.688.000đồng và 2.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 24.128.000đ (Hai mươi bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) của anh Nguyễn Đăng K và chị Phạm Thị T. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình truy tố đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, việc đưa bị cáo ra xử lý trước pháp luật là cần thiết.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hiểu rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục bị cáo nói riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[5]. Xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo tự rèn luyện, giáo dục tại cộng đồng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo.

[6].Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Đăng K và chị Phạm Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] .Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20-3-2018).

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục

bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp;
- VKS Yên Bình;
- Công an Yên Bình;
- THADS Yên Bình;
- Bị cáo; người bị hại;
- UBND xã B;
- Lưu HS, THA , TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga